TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 14 – 8 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tông

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be

Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 22/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1978; cư trú tại: Tổ 5, ấp Rộc, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn**:**

Luật sư Trương Quốc P, Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật N (địa chỉ: 173 T P, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ 5, ấp Rộc, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Hồng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vu án nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th và anh Nguyễn Hồng T tổ chức lễ cưới năm 1999, ngày 21-8-2002 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Anh, chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng sống không phù hợp, lúc đầu anh T đi làm về có đưa tiền cho chị Th để lo chi phí trong nhà nhưng có lần chị Th xin tiền đi làm răng, anh T cằn nhằn không cho nên chị Th tự đi làm kiếm tiền để làm răng, từ đó chị Th tự ái không lấy tiền của anh T nữa. Anh T cũng không quan tâm đến gia đình bên vợ, cha mẹ chị Th đến nhà thì anh T cũng không hài lòng, chị nói thì vợ chồng cãi vã nhau. Do cuộc sống không hạnh phúc nên chị Th bỏ về cha mẹ ruột ở, đi làm mướn sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ năm 2013. Thời gian này vợ chồng có gặp nhau hai lần để bàn việc ở lại nhưng không thành, nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hồng Th M, sinh ngày 10-02-2001 hiện đang ở chung nhà với anh T, do anh chị cùng nuôi, buổi sáng đi học về ở nhà với chị cùng với ông bà ngoại. Chị Th yêu cầu được nuôi cháu M ăn học, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà tường xây tô ngoài, mái tol, nền gạch men, diện tích 82,9m^2, mái che tol, đất cất nhà diện tích 161,2m^2; đối với tài sản này anh T đang quản lý chị Th yêu cầu chia căn nhà và đất để ở may đồ nuôi cháu M. Đất trồng cây cao su diện tích 2.093,7 m^2 và 178 cây cao su.

Về nợ chung: Không có, chị Th không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Hồng T trình bày:

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị Th về hôn nhân, con chung, tài sản chung và không có nợ ai là đúng; nhưng về quan hệ hôn nhân thì nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2013 anh T có đưa tiền bán mía cho chi Th giữ 9.000.000 đồng, chị Th nói cần 4.000.000 đồng làm răng, chị Th đã có 2.000.000 đồng nên xin anh T 2.000.000 đồng nữa, anh T nói cần tiền là có liền mà cứ hay cằn nhằn, vậy mà chị Th giận bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh làm, mặc dù anh T không đồng ý. Năm 2015, chị Th đi nước ngoài làm đến năm 2018 về và ở bên nhà cha mẹ chị Th luôn, anh T có gọi điện nói chuyện và năn nỉ nhưng nhưng không thành. Nay chị Th xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T đồng ý giao chị Th nuôi con, anh T không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh T đồng ý chia tài sản, yêu cầu chia căn nhà vì anh T có nhu cầu để ở; yêu cầu trích công sức đóng góp chăm sóc cây cao su trong 03 năm chị Th đi nước ngoài lao động số tiền 20.000.000 đồng.

Theo Biên bản định giá ngày 27-02-2019, định giá tài sản như sau:

Diện tích đất 161,2 m^2 và nhà tọa lạc tại tổ 5, ấp Rộc, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh số tiền 319.663.800 đồng.

Đất trồng cây lâu năm (cao su) tọa lạc tổ 5, ấp Rộc, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh diện tích 2.093, 7m2. Trên đất có trồng 178 cây cao su 06 năm tuổi trị giá 199.959.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" của chị Đỗ Thị Th đối với anh Nguyễn Hồng T.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Th đối với anh Nguyễn Hồng T. Chị Th được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hồng Th M, sinh ngày 10-02-2001. Ghi nhận chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền , nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở,

Về tài sản chung:

Chị Đỗ Thị Th được quyền sở hữu và quản lý, sử dụng tài sản là căn nhà diện tích 92,9m^2 cùng toàn bộ công trình phụ trên đất gắn liền với căn nhà và được quyền sử dụng đất gắn liền với nhà diện tích 161,2 m^2, thửa đất số 682, tờ bản đồ số 64; đất tọa lạc tại ấp Rộc, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Đông giáp: Đường ấp Rộc-Truông Mít, dài 05 m;

Tây giáp: Kênh N4-17 dài 05 m;

Nam giáp: Thửa 683 dài 32,7m;

Bắc giáp: Thửa 681, dài 32,4 m.

Tất cả trị giá 319.663.800 đồng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 04-6-2015, do anh T và chị Th đứng tên.

Anh Nguyễn Hồng T được quyền quản lý, sử dụng đất trồng dây cao su diện tích 2.093,7m^2, thửa số 31, tờ bản đồ số 64, tọa lạc tại ấp Rộc, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Đông giáp: Thửa 32, dài 25,62m;

Tây giáp: Thửa 30, dài 21,7 m;

Nam giáp: Thửa 38 dài 27,95+ 45m+ 13m;

Bắc giáp: Thửa 3, dài 14,6 m+ 30,5m; giáp thửa 446, dài 38,22m. Và được quyền sở hữu và quản lý, sử dụng 178 cây cao su 06 năm tuổi trồng trên đất. Tất cả trị giá 199.959.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK, do Ủy ban nhân dân huyện G dầu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08-5-2012, có diện tích là 2,187,6m^{2}do anh T và chị Th đứng tên.

Chị Th có trách nhiệm giao lại cho anh T tiền chênh lệch chia tài sản là 80.192.400 đồng.

Số tài sản trên do anh T đang quản lý nên anh T có trách nhiệm giao lại cho chị Th.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T, chị Th đứng tên, nên anh có trách nhiệm làm thủ tục chuyển quyền cho nhau.

Về nợ chung: Chị Th và anh T khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc định giá, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Hồng T có đơn kháng cáo với nội dung:

- Không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Yêu cầu được sở hữu căn nhà diện tích 92,9m^2, toàn bộ công trình phụ trên đất gắn liền với nhà và được quyền sử dụng đất diện tích 161,2m^2.

- Giao chị Th được quyền sử dụng đất trồng cây cao su diện tích 2.093,7m^2 và 178 cây cao su 06 năm tuổi trên đất;

- Anh T thanh toán tiền chênh lệch lại cho chị Th số tiền 50.192.400 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tài sản chung của chị Đỗ Thị Th, anh Nguyễn Hồng T gồm có:

- 01 phần đất diện tích 161,2 m^2, thửa đất số 682, tờ bản đồ số 64; đất tọa lạc tại ấp Rộc, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 04-6-2015, do anh T và chị Th đứng tên.

Trên đất có 01 căn nhà cấp 4B, diện tích 92,9m^2, công trình phụ là mái che diện tích 25,3m^2.

Tổng trị giá 319.663.800 đồng.

- 01 phần đất trồng cây cao su diện tích 2.093,7m^2, thửa số 31, tờ bản đồ số 64, tọa lạc tại ấp Rộc, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK, do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08-5-2012 do anh T và chị Th đứng tên.

Trên đất có trồng 178 cây cao su 06 năm tuổi.

Tổng trị giá 199.959.000 đồng.

[2] Theo bản án sơ thẩm: Chị Th được chia 01 căn nhà diện tích 92,9m^2, công trình phụ trên đất gắn liền với nhà và quyền sử dụng đất diện tích 161,2m^2.

Anh T được quyền sử dụng đất trồng cây cao su diện tích 2.093,7m^2 và sở hữu 178 cây cao su trên đất.

Chị Th giao cho anh T số tiền 80.192.400 đồng.

[3] Anh T kháng cáo yêu cầu đổi lại, anh nhận phần đất có nhà, chị Th nhận phần đất trồng cây cao su, anh T giao chị Th số tiền 50.192.400 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Phần đất có 01 căn nhà cấp 4B có nguồn gốc do ông bà nội chị Th chuyển nhượng lại cho anh chị (vừa bán, vừa cho), chị Th đang nuôi con chung nên khó khăn trong việc tạo dựng nơi ở mới; anh Th đang quản lý, chăm sóc, khai thác vườn cây cao su, nghề nghiệp thợ hồ, chị Th giao cho anh T 80.192.400 đồng nên anh T có khả năng tạo lập chỗ ở mới dễ hơn so với chị Th. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chia giao căn nhà cho chị Th, giao vườn cây cao su cho anh T là hợp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T thừa nhận anh T, chị Th có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng 01 phần đất diện tích khoảng ngang 5m x dài 40m nhưng đứng tên dùm cho cha mẹ ruột của anh; chị Th cho rằng đất do cha mẹ chồng cho nhưng chị không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

Sau khi xử sơ thẩm, anh T trình bày chị Th có xây dựng 01 căn nhà riêng cạnh nhà của cha mẹ ruột chị Th tại ấp Rộc A, xã Thạnh Đức và sống tại căn nhà này. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương là những người dân sống liền kề nhà cha mẹ ruột của chị Th, Trưởng ấp Rộc A thì những người này đều xác định chị Th không có căn nhà riêng nào khác, căn nhà sát bên nhà cha mẹ chị Th là của cha mẹ ruột của chị Th là ông Đỗ Văn Tài và bà Huỳnh Thị Én xây dựng. Do đó, lời trình bày của anh T là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có cơ sở, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về chia tài sản, cụ thể như sau:

Phần đất có nhà trị giá 250.000.000 đồng, đất trồng cao su trị giá 146.559.000 đồng, chia đôi mỗi người 198.279.500 đồng; nhà và mái che trị giá 69.663.800 đồng, anh chị thỏa thuận trích cho anh T 30.000.000 đồng chi phí tu bổ thêm, còn lại 39.663.800 đồng chia đôi, mỗi người 19.831.900 đồng; cây cao su trị giá 53.400.000 đồng, chia anh T 6 phần là 32.040.000 đồng, chị Th 4 phần là 21.360.000 đồng; tổng cộng anh T được chia 280.151.400 đồng, chị Th được chia 239.471.400 đồng.

Chị Th nhận nhà, mái che, đất có nhà trị giá 319.663.800 đồng nên chị Th giao cho anh T phần chênh lệch là 80.192.400 đồng.

[2] Về chi phí định giá tài sản: Chị Th, anh T mỗi người chịu 1.000.000 đồng. Ghi nhận chị Th đã nộp 2.000.000 đồng, đã chi xong nên anh T phải nộp 1.000.000 đồng để hoàn trả cho chị Th.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, 11.973.600 đồng án phí về chia tài sản. Anh T phải chịu 14.007.600 đồng án phí về chia tài sản.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh T không được Tòa án chấp nhận nên anh T phải chịu áp phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 59, 62, 81 và 82 của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hồng T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" của chị Đỗ Thị Th đối với anh Nguyễn Hồng T.

Về tài sản chung:

- Chị Đỗ Thị Th được quyền sở hữu 01 căn nhà diện tích 92,9m^2, công trình phụ là mái che diện tích 25,3m^2 và được quyền sử dụng đất gắn liền với nhà, diện tích 161,2 m^2, thửa đất số 682, tờ bản đồ số 64; đất tọa lạc tại ấp Rộc, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Đông giáp: Đường ấp Rộc-Truông Mít, dài 05 m;

Tây giáp: Kênh N4-17 dài 05 m;

Nam giáp: Thửa 683 dài 32,7m;

Bắc giáp: Thửa 681, dài 32,4 m.

Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 04-6-2015, do anh T và chị Th đứng tên.

- Anh Nguyễn Hồng T được quyền sử dụng đất diện tích 2.093,7m^2, thửa số 31, tờ bản đồ số 64, tọa lạc tại ấp Rộc, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Đông giáp: Thửa 32, dài 25,62m;

Tây giáp: Thửa 30, dài 21,7 m;

Nam giáp: Thửa 38 dài 27,95+ 45m+ 13m;

Bắc giáp: Thửa 3, dài 14,6 m+ 30,5m; giáp thửa 446, dài 38,22m.

Anh T được quyền sở hữu 178 cây cao su 06 năm tuổi trồng trên đất.

Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK, do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08-5-2012, có diện tích là 2,187,6m^{2}do anh T và chị Th đứng tên.

- Chị Th có trách nhiệm giao lại cho anh T tiền chênh lệch chia tài sản là 80.192.400 (Tám mươi triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm) đồng.

Số tài sản chị Th được chia do anh T đang quản lý nên anh T có trách nhiệm giao lại cho chị Th.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T, chị Th đứng tên nên anh chị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quyết định này.

2. Về nợ chung: Chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Chị Đỗ Thị Th, anh Nguyễn Hồng T mỗi người chịu 1.000.000 đồng. Ghi nhận chị Th đã nộp 2.000.000 đồng và Tòa án đã chi xong, nên anh T phải nộp 1.000.000 (Một triệu) đồng hoàn trả lại cho chị Th.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm dân sự:

+ Chị Đỗ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn và 11.973.600 đồng án phí về chia tài sản, tổng cộng án phí là 12.273.600 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.300.000 đồng theo Biên lai thu số

0008591 ngày 26-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, chị Th còn phải nộp 6.973.600 đồng (Sáu triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm) đồng.

+ Anh Nguyễn Hồng T phải chịu 14.007.600 đồng (Mười bốn triệu không trăm lẽ bảy nghìn sáu trăm) đồng án phí chia tài sản.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0009058 ngày 17-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Anh T đã nộp đủ án dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND H. Gò Dầu;
- Cục Thi hành án DS h. Gò Dầu;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đức;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tông